TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HS-ST
Ngày: 25/8/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Đức Thập**- Trưởng ban VH-XH thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc;

2. Bà **Bùi Thị Thúy**- Giáo viên nghỉ hưu tại thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hùng**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc- tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Sỹ Phượng**- Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên toà công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 53/2017/HSST ngày 08/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn H, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn CT, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12;

Con ông Đặng Văn V, sinh năm 1959 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1957;

Có vợ: Chu Thị V, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 48 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Gia Lộc.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12;

Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1957 và bà: Vũ Thị X, sinh năm 1957;

Có vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1997 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 49 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc.

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn CC, xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 và bà: Hoàng Thị D, sinh năm 1958;

Có vợ: Đoàn Thị D, sinh năm 1988;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 59 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Gia Lộc.

4. Đỗ Văn T, sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12;

Con ông: Đỗ Văn T2 (Đã chết) và bà: Phạm Thị G, sinh năm 1944;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 51 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc.

5. Phạm Văn Đ, sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Con ông: Phạm Văn P, sinh năm 1962 và bà: Lê Thị V, sinh năm 1965;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 50 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc.

6. Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn CC, xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 và bà: Lê Thị M, sinh năm: 1952;

Có vợ: Lê Thị T, sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 61 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Gia Lộc.

7. Hoàng Văn T3, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn CC, xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12

Con ông: Hoàng Văn T4, sinh năm 1954 và bà: Lê Thị T5, sinh năm 1957;

Có vợ: Lê Thị Huyền T6, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 60 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc.

8. Trịnh Viết T8, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Con ông: Trịnh Viết D, sinh năm 1954 và bà: Đỗ Thị My, sinh năm 1957;

Có vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1995 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 52 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc.

9. Nguyễn Văn L, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12 ;

Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1973;

Có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1996;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 56 ngày 21/0/2017 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Gia Lộc.

10. **Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Con ông: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1962;

Có vợ: Đinh Thị TH, sinh năm 1996;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 57 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Gia Lộc.

11. Nguyễn Văn D, sinh năm: 1995;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Bố đẻ: Chưa rõ; Mẹ đẻ là bà: Đỗ Thị V, sinh năm: 1962;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 54 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Gia Lộc.

12. Nguyễn Minh N, sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12;

Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị T7, sinh năm 1956;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 55 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Gia Lộc.

13. Nguyễn Văn P, sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12;

Con ông: Nguyễn Duy C, sinh năm 1957 và bà: Phạm Thị L1, sinh năm: 1960;

Có vợ: Phạm Thị L2, sinh năm 1990 và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017. Hiện bị cáo tại ngoại và chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 58 ngày 21/3/2017 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Gia Lộc.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N và Nguyễn Văn P đều bị VKSND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chiều ngày 18/3/2017, các đối tượng Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Đỗ Văn T1, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Lê Văn N1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn B, Hoàng Văn T3 và Nguyễn Ngọc Q đến dự đám cưới của anh Phạm Văn T, sinh năm 1992 ở thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi dự đám cưới thì H, T, T1 và L ngồi chơi uống nước, nói chuyện. Trong khi ngồi chơi có người rủ đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa thì tất cả đều đồng ý *(không xác định được người rủ)*. Sau đó H, T, T1 và L đi lên tầng hai phòng thờ nhà ông Phạm Văn T9- SN 1963 là bố đẻ của anh Phạm Văn T để đánh bạc. Tại đây, cả nhóm thấy chiếu đã trải sẵn trên phòng, bên cạnh có một chiếc bát sứ và một chiếc đĩa sứ cùng một chiếc kéo sắt. Thuận lấy 01 vỏ bao thuốc lá Vinataba có sẵn trong người ra rồi cắt thành 04 quân bài vị hình tròn 01 mặt vàng, 01 mặt trắng có đường kính khoảng 1,2cm làm công cụ để đánh bạc. Sau đó cả nhóm cùng ngồi xuống chiếu đã trải sẵn, sử dụng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài vị hình tròn để đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. H là người cầm cái, còn T, L và T1 đặt cửa. Quá trình đánh bạc tuy không quy định mức đặt cửa là bao nhiêu nhưng ban đầu có người đặt 10.000 đồng/ván, có người đặt 20.000 đồng/ván, về sau chủ yếu đặt "trống cửa" là 50.000 đồng/ván, mức đặt cao nhất không quá 300.000 đồng/ván.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày có các đối tượng Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tiến H, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn D đi lên phòng thờ tầng hai nhà ông T9 cùng tham gia đánh bạc với mọi người.

Tiếp đó có Lê Văn N và Nguyễn Minh N cũng đi lên phòng thờ tầng hai. Khi thấy T8 đánh bạc ở đó thì Lê Văn N có đòi T3 được số tiền 50.000 đồng mà T3 nợ trước đó, Văn N dùng số tiền này để tham gia đánh bạc. Nguyễn Minh N được T8 cho

số tiền 200.000 đồng, Minh N dùng số tiền này cùng tham gia đánh bạc với mọi người.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày do bị thua hết tiền nên H không tham gia đánh bạc nữa mà đi xuống dưới đám cưới ngồi uống nước. T nhận cầm cái thay H tiếp tục đánh bạc với mọi người. Trong quá trình đánh bạc, T thắng được nhiều tiền nên có đưa cho Nguyễn Minh N cầm hộ số tiền 2.000.000 đồng. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì H tiếp tục đi lên tầng 2 nhà ông T9 nơi mọi người đang đánh bạc. H đặt vấn đề với T cho vay 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc thì được T đồng ý, T bảo Nguyễn Minh N đưa tiền cho H. Minh N đưa cho H số tiền 1.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng của T, Minh N vẫn cầm. H cầm tiền và bảo T nhường cho H cầm cái và tiếp tục đánh bạc với mọi người.

Quá trình đánh bạc, do bị thua hết tiền nên Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn D và Lê Văn N không tham gia đánh bạc nữa mà ngồi xem. Không tham gia đánh bạc, ngồi bên ngoài xem, có anh Đỗ Văn N- SN 1995 trú tại thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, cụ thể như sau: Dụng cụ để đánh bạc gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba. Người cầm cái để 04 quân bài vị vào đĩa, úp bát lên và xóc nhiều lần, sau khi xóc xong thì để ở giữa chiếu, ai đánh chẵn *(Hai hoặc bốn quân vị có cùng màu)* thì đặt tiền ở cửa chẵn, ai đánh lẻ *(Một hoặc ba quân vị có cùng màu)* thì đặt tiền ở cửa lẻ. Số tiền đặt cửa cho một ván không quy định cụ thể mà tuỳ ý người chơi nhưng không được quá 300.000 đồng/ván. Sau khi đặt tiền xong thì người cầm cái mở bát, nếu chẵn thì người đặt cửa chẵn thắng, người đặt cửa lẻ thua và ngược lại. Người cầm cái lấy tiền của người thua trả cho người thắng, số tiền thắng, thua bằng số tiền đặt cửa, nếu thừa thì người cầm cái được hưởng, nếu thiếu thì phải bù. Cứ như vậy mỗi ván bạc diễn ra trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 phút.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc phối hợp với Công an xã HH, huyện GL đã phát hiện và bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc. Thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và số tiền trên chiếu bạc là **10.350.000** đồng. Thu giữ trên người Nguyễn Minh N số tiền **1.000.000** đồng, Minh N khai nhận đây là số tiền do T thắng bạc đưa Nguyễn Minh N giữ hộ.

Các bị cáo khai, số tiền các sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

Nguyễn Văn B có 2.000.000 đồng; Đặng Văn H có 1.900.000 đồng *(gồm cả số tiền 1.000.000 đồng H vay của T);* Đỗ Văn T1 có 1.300.000 đồng; Phạm Văn Đ có 700.000 đồng; Nguyễn Ngọc Q có 700.000 đồng; Nguyễn Văn T có 650.000 đồng;

Hoàng Văn T3 có 600.000 đồng; Trịnh Viết T8 có 600.000 đồng; Nguyễn Văn L có 500.000 đồng; Nguyễn Tiến H có 500.000 đồng; Nguyễn Văn D có 200.000 đồng; Nguyễn Minh N có 200.000 đồng; Nguyễn Văn P có 200.000 đồng và Lê Văn N có 50.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 10.100.000 đồng, chênh lệch 1.250.000 đồng, không phù hợp với số tiền đã thu giữ tại chiếu bạc và số tiền do Nguyễn Minh N giao nộp là 11.350.000 đồng, kết thúc điều tra không xác định được của ai.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện đã nhập kho vật chứng: Toàn bộ số tiền đã thu giữ, quản lý là: 11.350.000 đồng *(Số tiền được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Gia Lộc)*; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếc kéo sắt.

Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn P và Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và vật chứng của vụ án đã được thu giữ.

Cáo trạng số 50/VKS-HS ngày 31/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 BLHS.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N và Nguyễn Văn P phạm tội "Đánh bạc".

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 ; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 ; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 11 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 22 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20; Điều 53- BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B từ 7 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60- BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T1 từ 8 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 8 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 7 tháng 21 ngày đến 9 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q từ 7 đến 8 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 6 tháng 21 ngày đến 7 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 từ 7 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 6 tháng 21 ngày đến 8 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã An Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Trịnh Viết T8 từ 6 đến 8 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày đến 7 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ

tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: - Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 6 đến 8 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày đến 7 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H từ 6 đến 8 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày đến 7 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H sung quỹ Nhà nước. Thời hạn khấu trừ thu nhập bằng với thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 30; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 15.000.000đồng đến 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 15.000.000đồng đến 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30; Điều 20; Điều 53- BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 10.000.000đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo H, T, T1 cho UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo B cho UBND xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam nơi bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Q, T3 cho UBND xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Đ, T8, L, H cho UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 248- Bộ luật hình sự; Xử phạt các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo 5.000.0000đồng đến 7.000.000đồng sung quỹ Nhà nước; các bị cáo Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H mỗi bị cáo 3.000.000 đến 5.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.350.000 đồng; tịch thu, tiêu huỷ số vật chứng gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếc kéo sắt.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và những người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 23 giờ 30 phút ngày 18/3/2017 tại phòng thờ tầng hai nhà ông Phạm Văn T9- Sinh năm 1963 ở thôn PB, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương, các đối tượng Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn Phương và Lê Văn N đã thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Gia Lộc phối hợp Công an xã HH, huyện GL đã phát hiện bắt quả tang các đối tượng đánh bạc, thu giữ tang vật gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài bị, 01 chiếc kéo và số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là: 11.350.000 đồng.

Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền sử dụng cá nhân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện việc đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh "Xóc đĩa" sát phạt nhau được thua bằng tiền, mặc dù tổng số tiền các bị cáo khai nhận mang đi đánh bạc chỉ có 10.100.000 đồng nhưng Cơ quan điều tra - Công an huyện Gia Lộc bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo với tổng số tiền là 11.350.000 đồng nên xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và có ý thức dùng vào việc đánh bạc là 11.350.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Xác định cáo trạng của VKSND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo chẳng những gây mất trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, hơn nữa tệ nạn cờ bạc còn là nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm tội khác. Vì vậy, cần có biện pháp xử lý bằng pháp luật hình sự mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội đạt hiệu quả. Về vai trò của các bị cáo, HĐXX xét thấy: Mặc dù các bị cáo có sự thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc và đều là người thực hành nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công câu kết chặt chẽ với nhau nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này không có căn cứ chứng minh được mỗi bị cáo đánh bạc bao nhiêu lần, mỗi ván đặt bao nhiêu tiền cũng như số lượng tiền thắng, thua nên HĐXX xem xét trên cơ sở lời khai của các bị cáo về số tiền đem đi đánh bạc kết hợp với số tiền thu trong người các bị cáo khi bị bắt quả tang cũng như thời gian các bị cáo tham gia đánh bạc để đánh giá vị trí, vai trò đối với các bị cáo.

- Đối với Đặng Văn H là người sử dụng số tiền nhiều thứ hai và là người cầm cái điều khiển cuộc chơi từ đầu cho đến 22 giờ, do thua hết tiền nên chuyển cho T cầm cái. Đến 23 giờ H đặt vấn đề vay Thuận 1.000.000đồng để tiếp tục cầm cái cho đến khi bị bắt nên H giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Đối với Nguyễn Văn T là người sử dụng số tiền ít tham gia đánh bạc, là chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội như cắt các con bài vị và là người trực tiếp cầm cái điều khiển cuộc chơi từ 22 giờ cho đến 23 giờ nên Thuận giữ vai trò thứ hai trong vụ án; đối với Nguyễn Văn B sử dụng số tiền nhiều nhất tham gia đánh bạc ngay từ đầu cho đến khi bị bắt nên Ba giữ vai trò thứ ba trong vụ án; Đối với Đỗ Văn T1 sử dụng số tiền nhiều thứ ba tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên T1 giữ vai trò thứ tư trong vụ án. Đối với Phạm Văn

Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, mặc dù L sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn các bị cáo Đ, Q, T3, T8 nhưng bị cáo là người tham gia đánh bạc ngay từ đầu nên các bị cáo Đ, Q, T3, T8, L giữ vai trò gần ngang nhau xếp cùng vào hàng thứ năm trong vụ án. Đối với các bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn P sử dụng số tiền ít nhất tham gia đánh bạc từ khoảng 21 giờ 30 phút cho đến khi bị bắt nên các bị cáo H, D, N, P giữ vai trò gần ngang nhau xếp vào hàng thứ sáu trong vụ án.

*** Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- *Về nhân thân:* Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:* Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46- BLHS, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết này cho tất cả các bị cáo khi xem xét, quyết định hình phạt. Bị cáo Đỗ Văn T1 có bố đẻ là ông Đỗ Văn T5 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo Nguyễn Minh N có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T7 được tặng thưởng Giấy khen vì đã hoàn thành công tác quân sự địa phương năm 1979. Bị cáo Nguyễn Văn P trong thời gian phục vụ trong quân đội được tặng thưởng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Nên bị cáo T1, N, P được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm khoản 2 Điều 46- BLHS.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Đối với bị cáo Đặng Văn H, là những người cầm cái điều khiển cuộc chơi từ đầu cho đến 22 giờ sau đó chuyển cho T cầm cái đến 23 giờ tiếp tục vay tiền T cầm cái điều khiển cuộc chơi cho đến khi bị bắt, đối với Nguyễn Văn T là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội như cắt các con vị và cầm cái thay cho H từ 22 giờ cho đến 23 giờ. Các bị cáo Nguyễn Văn B sử dụng số tiền nhiều nhất tham gia đánh bạc từ 21 giờ 30 cho đến khi bị bắt, Đỗ Văn T1 sử dụng số tiền chỉ sau B và H tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt. Tuy nhiên các bị cáo sử dụng số tiền thấp tham gia đánh bạc và đánh bạc trong thời gian ngắn nên HĐXX thấy cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo có cơ hội tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa

chung trong xã hội.

Đối với các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H. HĐXX thấy cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho các bị cáo được tiếp tục lao động, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt là phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật. Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của các bị cáo Đ, Q, T3, T8, L, H sung quỹ Nhà nước.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn P tham gia đánh bạc trong thời gian ngắn và sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất bạc nên chỉ cần áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp với Điều 30- Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền. HĐXX xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo H, T, B, T1, Đ, Q, T3, T8, L, H là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo D, N, P đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp với Điều 28- Bộ luật hình sự.

- *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ tổng số tiền trên chiếu bạc là 11.350.000 đồng. Trong vụ án còn đối tượng Lê Văn N tham gia đánh bạc bỏ trốn nên số tiền thu giữ của đối tượng N dùng để đánh bạc HĐXX sẽ giải quyết trong vụ án này. Như vậy số tiền đã chứng minh được các bị cáo đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 11.350.000 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Ngoài ra 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếc kéo sắt là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Về án phí*:* Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án Lê Văn N trong giai đoạn truy tố đã bỏ trốn khỏi địa ph- ơng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc đã có văn bản yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc ra lệnh truy nã bị can Lê Văn Nam, đồng thời tách hành vi phạm tội của bị can Lê Văn N, khi nào bắt đ- ợc sẽ xử lý sau. HĐXX không xem xét, giải quyết.

Trong vụ án này, các đối t- ợng đánh bạc tại gian phòng thờ tầng 2 của gia đình ông Phạm Văn T9, tuy nhiên ông T9 do đang chuẩn bị cho đám c- ới của con trai là anh Phạm Văn T ở bên d- ới nên không biết các đối t- ợng trên đã sử dụng gian phòng

thờ tại tầng 2 của gia đình để đánh bạc, do vậy không đặt ra việc xử lý đối với ông T9 là phù hợp. HĐXX không xem xét, giải quyết.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn P phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 11 (Mười một) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 22 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 9 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 8 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 8 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 7 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 7 (Bẩy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 6 tháng 21

ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã AM, huyện BL, tỉnh HN nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 7 (Bẩy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 6 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Viết T8 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H sung quỹ Nhà nước. Thời hạn khấu trừ thu nhập bằng với thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 30 Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30 Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự đối với bị cáo Nguyễn Minh N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30 Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo D, N, P phải nộp một lần số tiền trên kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật mà các bị cáo chậm thi hành đối với khoản tiền phạt trên thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Giao các bị cáo H, T, T1 cho UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo B cho UBND xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Q, T cho UBND xã AM, huyện BL, tỉnh Hà Nam nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Đ, T8, L, H cho UBND xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo thường trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 248- Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự.

Xử phạt các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo 5.000.0000 (Năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước; các bị cáo Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T8, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H mỗi bị cáo 3.000.000 (Ba triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo H, T, B, T1, Đ, Q, T3, T8, L, H phải nộp một lần số tiền trên kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật mà các bị cáo chậm thi hành đối với khoản tiền phạt bổ

sung thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án..

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41; các điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76- BLTTHS.

Tịch thu số tiền 11.350.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếc kéo sắt *(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc).*

5. Về án phí: Áp dụng điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn T3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234- BLTTHS.

Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn T1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Ngọc Q, Hoàng Văn Th3, Trịnh Viết T8, Nguyễn Văn L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh N, Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2017).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

BÙI QUÝ LONG

Nơi nhận:
- VKSND, Công an, THADS huyện Gia Lộc;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.